

Thiết kế xử lý - Thanh toán hóa đơn

1. Danh sách các kiểu dữ liệu

STT	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa	Ghi chú
1	Date	Dùng để lưu mốc thời gian	
2	Varchar	Dùng lưu trữ mã hóa đơn, khách hàng	
3	int	Dùng lưu trữ số tiền, doanh thu	
4	List	Lưu trữ danh sách các hóa đơn	

2. Danh sách các biến

STT	Biến	Kiểu	Ý nghĩa	Ghi chú
1	MaNV	varchar	Mã nhân viên thanh toán	
2	MaHD	varchar	Mã hóa đơn thanh toán	
3	MaKM	varchar	Mã khuyến mãi	
4	TienPhong	int	Tổng tiền phòng phải trả	
5	TienDV	int	Tổng tiền dịch vụ phải trả	
6	TongTien	int	Tổng tiền	
7	TienKM	int	Tiền được khuyến mãi	
8	ThucTra	int	Tiền khách hàng phải thanh toán	
9	NgayTT	date	Ngày khách thanh toán	

10	tblPhongDat	List	Danh sách phòng khách hàng đã đặt	
11	tblDVDat	List	Danh sách Dịch vụ khách hàng đã đặt	

3. Danh sách các hằng

STT	Hằng	Kiểu	Giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	N/A				

4. Danh sách các hàm xử lý

STT	Hàm	Tham số	Kết quả trả về	Thuật giải	Ý nghĩa	Ghi chú
1	docDSThuePhong()	N/A	List <phieudat> dsdp	Vết cặn	Đọc danh sách phòng khách hàng đã thuê	
2	docDSThueDV()	N/A	List <phieudatdv> dsdv	Vết cặn	Đọc danh sách dịch vụ khách hàng đã thuê	
3	ThemHoaDon()	HoaDonDTO	Lưu vào hệ thống	Truyền các giá trị vào và	Lưu hóa đơn sau khi khách hàng thanh toán	

					thành công	
4	tinhtien()	N/A	Các giá trị thanh toán trên màn hình	Tính tổng tiền sau đó thông báo ra màn hình	Tính các giá trị thanh toán	